

Bản án số: 03/2020/KDTM-PT

Ngày: 03 – 9 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn.

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Phạm Hùng Nuôi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại (KDTM) thụ lý số: 07/2020/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án KDTM sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng VN; địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phan Văn B, địa chỉ: Số 20B, đường T, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2014). (Vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của ông Phan Văn B:* Bà Dương Thị Phụng N, sinh năm 1984; cư trú tại: Số 20B, đường T, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/8/2020). (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 202, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, là Luật sư của Công ty Luật LH (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty KA; địa chỉ trụ sở: Số 592, Quốc lộ M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Đỗ Ngọc Q; địa chỉ: Số 592, Quốc lộ M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty KA). (Vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Ngọc Quý:* Ông Lê Bá T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 218, đường P, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt) và ông Trần Chí Ê, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 37, đường Q, phường T, quận M, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Lê Văn A, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 37, đường Q, phường T, quận M, thành phố Hồ Chí Minh, là Luật sư của Công ty Luật Hợp danh ĐA (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty KA là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2017 của nguyên đơn Ngân hàng VN cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Dương Thị Phụng trình bày:*

Vào năm 2014, do có nhu cầu vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thu mua nguyên liệu, chế biến thủy sản xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Công ty KA có vay vốn tại Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng tín dụng số 189/HĐTD ngày 11/4/2014 số tiền vay 120.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Trong quá trình vay vốn Công ty KA có ký với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng 06 phụ lục hợp đồng, nội dung để điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo phân kỳ, trong đó kỳ trả nợ cuối cùng đến ngày 30/8/2018. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán nhưng Công ty KA không thanh toán nợ theo thỏa thuận.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty KA dùng tài sản của Công ty để thế chấp, gồm các tài sản sau:

Hợp đồng thế chấp số 45/HĐTC ngày 15/01/2015 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Tài sản thế chấp gồm: Hệ thống máy móc, thiết bị thuộc kho lạnh Công ty KA đặt tại đường N2, khu công nghiệp AN, tỉnh Sóc Trăng. Gồm: Dàn lạnh cho kho lạnh, dàn ngưng, máy nén Sabroe, xe nâng điện, máy phát điện, trạm điện 800KVA, tủ điện. Hệ thống máy móc, thiết bị thuộc kho lạnh Công ty NT đặt tại đường N2, khu công nghiệp AN, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sở hữu của Công ty KA. Gồm: Dây chuyền chế biến thức ăn thủy sản, dây chuyền chế biến bột cá, hệ thống lò hơi, trạm điện 2000KVA.

Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ hàng hóa tồn kho (Tôm, mực, cá đông lạnh các loại được lưu kho) tại: Công ty KA (Địa chỉ: Số 592, đường Quốc Lộ M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) và xí nghiệp chế biến thực phẩm TT (Địa chỉ: Số 176, đường Quốc Lộ M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng). Nay Ngân hàng VN yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty KA trả nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 01/6/2020 tại Hợp đồng số 189/HĐTD ngày 11/4/2014 số tiền là 164.147.293.269 đồng [Trong đó, số tiền vốn là 130.263.240.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 27.864.211.231 đồng và tiền lãi quá hạn là 6.019.841.805 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 164.147.293.269 đồng (Bao gồm vốn gốc

quy đổi từ 5.595.500,00 USD; lãi trong hạn 1.196.916,29 USD; lãi quá hạn 258.584,27 USD; theo tỷ giá đến ngày 31/5/2020 là 23.280,00)].

Trong trường hợp Công ty KA không thực hiện được nghĩa vụ trả số tiền nêu trên, thì Ngân hàng VN yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 45/HĐTC ngày 15/01/2015 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Tài sản thế chấp gồm: Hệ thống máy móc, thiết bị thuộc kho lạnh Công ty KA đặt tại đường N2, khu công nghiệp AN, tỉnh Sóc Trăng. Gồm: Dàn lạnh cho kho lạnh, dàn ngưng, máy nén Sabroe, xa nâng điện, máy phát điện, trạm điện 800KVA, tủ điện; Hệ thống máy móc, thiết bị thuộc kho lạnh Công ty NT đặt tại đường N2, khu công nghiệp AN, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sở hữu của Công ty KA. Gồm: Dây chuyền chế biến thức ăn thủy sản, dây chuyền chế biến bột cá, hệ thống lò hơi, trạm điện 2000KVA để Ngân hàng thu hồi nợ.

Riêng đối với Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa tồn kho (Tôm, mực, cá đông lạnh các loại được lưu kho) tại: Công ty KA (Địa chỉ: Số 592, đường Quốc Lộ M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) và Xí nghiệp chế biến thực phẩm TT (Địa chỉ: Số 176, đường Quốc Lộ M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) hiện nay không còn nên Ngân hàng VN không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên. Nhưng nếu trong quá trình xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 không đủ để thu hồi nợ thì yêu cầu Công ty KA tiếp tục giao phần tài sản khác để xử lý theo quy định pháp luật nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

*- Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Bá T trình bày:*

Thông nhất và thừa nhận hiện nay Công ty KA còn nợ của Ngân hàng VN tính đến ngày 01/6/2020 số tiền vốn là 130.263.240.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 27.864.211.231 đồng và tiền lãi quá hạn là 6.019.841.805 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 164.147.293.269 đồng [Bao gồm vốn gốc quy đổi từ 5.595.500,00 USD; lãi trong hạn 1.196.916,29 USD; lãi quá hạn 258.584,27 USD; theo tỷ giá đến ngày 31/5/2020 là 23.280,00)]. Nếu trường hợp bị đơn không trả được nợ nêu trên, thì bị đơn đồng ý cho Ngân hàng VN phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 45/HĐTC ngày 15/01/2015 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng và Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng để Ngân hàng VN thu hồi nợ.

Tuy nhiên, đối với Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ hàng hóa tồn kho (Tôm, mực, cá đông lạnh các loại được lưu kho) tại: Công ty KA (Địa chỉ: Số 592, đường Quốc Lộ M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) và Xí nghiệp chế biến thực phẩm TT (Địa chỉ: Số 176, đường Quốc Lộ M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) hiện nay các hàng tồn kho này không còn.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án KDTM sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 đã quyết định như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Buộc Công ty KA có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng VN vốn là 130.263.240.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 27.864.211.231 đồng và tiền lãi quá hạn là 6.019.841.805 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 164.147.293.269 đồng [Là vốn gốc quy đổi từ 5.595.500,00 USD; lãi trong hạn 1.196.916,29 USD; lãi quá hạn 258.584,27 USD; theo tỷ giá đến ngày 31/5/2020 là 23.280,00)].

Kể từ ngày 02/6/2020 Công ty KA còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty KA phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng VN cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng VN.

Khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng VN có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty KA không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng VN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

Hợp đồng thế chấp số 45/HĐTC ngày 15/01/2015 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Tài sản thế chấp gồm: Hệ thống máy móc, thiết bị thuộc kho lạnh Công ty KA đặt tại đường N2, khu công nghiệp AN, tỉnh Sóc Trăng. Gồm: Dàn lạnh cho kho lạnh, dàn ngưng, máy nén Sabroe, xe nâng điện, máy phát điện, trạm điện 800KVA, tủ điện. Hệ thống máy móc, thiết bị thuộc kho lạnh Công ty NT đặt tại đường N2, khu công nghiệp AN, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sở hữu của Công ty KA. Gồm: Dây chuyền chế biến thức ăn thủy sản, dây chuyền chế biến bột cá, hệ thống lò hơi, trạm điện 2000KVA.

Đối với Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng hiện nay tài sản thế chấp này không còn. Do đó nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi phần tài sản khác hợp pháp theo quy định pháp luật, không có tranh chấp, thế chấp ở một giao dịch khác có giá trị tương đương với tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án KDTM sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2020, bị đơn Công ty KA nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án KDTM sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST, ngày 01/6/2020, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy Bản án KDTM sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST, ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, nhằm đảm bảo giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và cho rằng vào thời điểm khởi kiện thì tính tỷ giá USD là 22.350 đồng, khi xét xử sơ thẩm thì tính tỷ giá USD là 23.280 đồng, nên có sự chênh lệch số tiền VNĐ khi khởi kiện và khi xét xử; tiền thẩm định thừa Tòa án thông báo trả Ngân hàng đã nhận rồi; người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo



và cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty KA đề nghị thỏa thuận kể cả thời hạn trả nợ là đến ngày 30/9/2020, nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn Ngân hàng VN cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định tại chỗ đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không hợp tác và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện bị đơn xác định tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 45 vẫn còn giữ nguyên không thay đổi. Trước đó, hòa giải thành nhưng bị đơn thay đổi ý kiến trước, lý do tài sản thế chấp không còn nhưng chưa thay thế được; còn việc phản tố được thực hiện trước khi hòa giải, nhưng bị đơn không thực hiện. Công ty KA là công ty chủ sở hữu đối với Công ty NT, nên không cần thiết đưa Công ty NT vào tham gia tố tụng; còn liên quan đến tiền nợ thì đại diện bị đơn thừa nhận, nên đề nghị ghi nhận; còn đối với hàng tồn kho bị đơn bán nguyên đơn không biết, không có văn bản thể hiện là nguyên đơn đồng ý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn Công ty KA cho rằng toàn bộ tài sản vận hành Công ty NT là thuộc quyền quản lý trực tiếp của Công ty NT, Công ty NT có tư cách pháp nhân, có quyền quyết định liên quan đến tài sản do mình quản lý, có báo cáo thuế, báo cáo tài chính độc lập, không thông qua Công ty NT là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm định, định giá đối với tài sản thế chấp là trái với quy định tại Điều 101, Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự và không tôn trọng quyền tự định đoạt, quyền tự quyết của đương sự là vi phạm Điều 5, Điều 10 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng tài sản thế chấp không xác định được là tài sản nào để không chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là không đúng. Việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn không đúng theo Hợp đồng vay số 189 và tuyên mức lãi được điều chỉnh qua từng thời kỳ là cũng không đúng; việc thỏa thuận lãi suất quá hạn là 130%, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tính 150% là không đúng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bán phát mãi tài sản khác của Công ty KA để thu hồi nợ thay thế tài sản không còn là không đúng, còn việc phản tố bị đơn không yêu cầu nữa. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để hủy Bản án KDTM sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty KA và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng VN, người đại diện hợp pháp của Công ty KA, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng VN và Công ty KA đều có mặt tham gia phiên tòa; vì vậy, HĐXX căn cứ vào

khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của Công ty KA là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo đơn kháng cáo của Công ty KA cho rằng theo Hợp đồng thế chấp số 45/HĐTC ngày 15/01/2015, để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của mình, Công ty KA dùng tài sản là hệ thống máy móc, thiết bị thuộc kho lạnh của Công ty NT để thế chấp cho Ngân hàng VN và tại phần Quyết định của Bản án KDTM sơ thẩm cũng đã tuyên Ngân hàng VN được quyền yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp này của Công ty NT. Do đó, việc không đưa Công ty NT tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty NT, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đề nghị hủy Bản án KDTM sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng. Xét thấy, mặc dù Công ty NT là công ty con của Công ty KA, Công ty KA là chủ sở hữu hợp pháp, được thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 16/01/2002, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/6/2002, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 06/01/2003, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/11/2006, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 31/01/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 30/5/2008 (BL từ 132 – 137); nhưng Công ty NT là công ty có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Doanh nghiệp năm 1999, khoản 2 Điều 63 Luật Doanh nghiệp năm 2005 và khoản 2 Điều 73 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Như vậy, Công ty NT là một công ty độc lập, có báo cáo thuế, báo cáo tài chính riêng biệt. Mặc khác, tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 45/HĐTC ngày 15/01/2015, để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của mình, Công ty KA dùng tài sản là hệ thống máy móc, thiết bị thuộc kho lạnh của Công ty NT để thế chấp cho Ngân hàng VN, được liệt kê tại trang 3, 4 của hợp đồng (BL số 49) và thể hiện trên Biên bản thỏa thuận, Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm, Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày 15/01/2015, Phụ lục hợp đồng số 02 (BL từ số 54 – 60). Điều đó xác định tài sản là hệ thống máy móc, thiết bị thuộc kho lạnh nêu trên đã được Công ty KA giao cho Công ty NT đang quản lý, sử dụng. Do đó, khi tuyên bán phát mãi tài sản thế chấp này sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của Công ty NT, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty NT vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng trực tiếp quyền lợi, nghĩa vụ của Công ty NT và sẽ không đảm bảo ở giai đoạn thi hành án. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty KA cũng không đồng ý đưa Công ty NT vào tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Đồng thời, không đưa Công ty NT vào tham gia tố tụng sẽ gây trở ngại trong việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp do Công ty NT đang quản lý, sử dụng. Chính vì vậy, nội dung kháng cáo này của Công ty KA là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Theo đơn kháng cáo của Công ty KA cho rằng theo các hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp của Công ty KA đều có giá trị lớn, vượt quá phạm vi bảo đảm của các khoản vay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như định giá toàn bộ tài sản thế chấp là trái với quy định tại Điều 101, 104

Bộ luật Tố tụng dân sự và đã tuyên Ngân hàng VN được quyền yêu cầu phát mãi thêm phần tài sản khác ngoài các tài sản đã thế chấp trước đó đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty KA. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng có ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thu thập chứng cứ là tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, nhưng do người đại diện theo pháp luật của Công ty KA vắng mặt, đồng thời công ty đóng cửa, nên không thể tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp được (BL số 227); còn việc định giá tài sản thế chấp trong vụ án KDTM là không cần thiết, vì khi tuyên án Tòa án không cần tuyên về giá trị của tài sản thế chấp, mà chỉ tuyên bán phát mãi tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp khi bán phát mãi tài sản thế chấp nếu còn thừa thì sẽ được trả lại cho chủ sở hữu tài sản. Ngoài ra, tại phần Quyết định của Bản án KDTM sơ thẩm tuyên: Đối với Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng hiện nay tài sản thế chấp này không còn. Do đó nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi phần tài sản khác hợp pháp theo quy định pháp luật, không có tranh chấp, thế chấp ở một giao dịch khác có giá trị tương đương với tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 tại thời điểm thi hành án là không khả thi, không thể thực hiện được việc thế chấp ở một giao dịch khác, vì các bên đã và đang tranh chấp và cũng không xác định được cụ thể là tài sản nào. Do đó, nội dung kháng cáo này của Công ty KA là có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và có chi phí số tiền 1.150.000 đồng (BL số 231), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý tiền chi phí này là chưa đúng quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Theo đơn kháng cáo của Công ty KA cho rằng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Công ty KA luôn có thiện chí hòa giải, thỏa thuận với Ngân hàng VN về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm và trong nội dung bản án cũng đã ghi nhận các bên đã thống nhất hòa giải được các vấn đề liên quan đến số tiền nợ, thời gian trả nợ, xử lý tài sản thế chấp. Riêng đối với tài sản thế chấp không còn tồn tại, các bên cũng đã thống nhất Công ty KA sẽ bổ sung tài sản khác để thay thế. Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét thỏa thuận này, không tạo điều kiện về mặt thời gian, bỏ qua ý kiến của đương sự là không tôn trọng quyền tự định đoạt và quyền quyết định của đương sự là vi phạm nguyên tắc cơ bản tại Điều 5, Điều 10 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, tuy phía Công ty KA có thiện chí hòa giải và đã hòa giải thành vào ngày 09/01/2020 (BL số 264), nhưng đến ngày 13/01/2020 Công ty KA có đơn đề nghị về việc thay đổi ý kiến và đề nghị không công nhận nội dung đã thỏa thuận, lý do hàng hóa tồn kho hiện nay không còn nên Công ty KA cần có thời gian tìm nguồn tài sản khác thay thế để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ (BL số 266) và đến ngày 16/01/2020 Ngân hàng VN cũng có đơn đề nghị về việc thay đổi ý kiến và đề nghị không công nhận nội dung đã thỏa thuận (BL số 292), nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận đó và Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/6/2020, mặc dù các bên đương sự thống nhất để Công ty KA bổ sung hoặc thay thế tài sản khác cụ thể có giá trị tương đương, nhưng không xác định được tài sản gì, giấy tờ pháp lý thế nào, việc thỏa thuận này không rõ ràng, không đảm bảo ở giai đoạn thi hành án, nên không thể công nhận theo quy định tại Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, từ ngày thay đổi ý kiến đối với hòa giải thành đến ngày xét xử sơ thẩm là gần 06 tháng nhưng phía Công ty KA cũng không cung cấp được tài sản nào

khác bổ sung hoặc thay thế đối với tài sản thế chấp không còn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm nguyên tắc cơ bản tại Điều 5, Điều 10 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên phần kháng cáo này của Công ty KA là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Theo đơn kháng cáo của Công ty KA cho rằng tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất về số tiền gốc cũng như lãi suất và thỏa thuận thời gian trả nợ là vào ngày 30/9/2020, nhưng bản án sơ thẩm không ghi nhận sự thỏa thuận về thời điểm trả nợ như vừa nêu; đồng thời tuyên mức lãi suất phụ thuộc vào sự điều chỉnh của Ngân hàng VN theo từng thời kỳ là không đảm bảo quyền lợi của Công ty KA. Ngoài ra, theo thỏa thuận tại Điều 4 của Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/3/2014, các bên thỏa thuận lại mức lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, nhưng Bản án sơ thẩm lại tuyên lãi suất quá hạn 6,75%/năm (Tương ứng với 150% lãi suất cho vay) là trái quy định pháp luật. Xét thấy, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ vụ án và tại Biên bản phiên tòa (BL từ số 346 – 355) không thể hiện phía Ngân hàng VN đồng ý cho Công ty KA thời hạn trả nợ là vào ngày 30/9/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty KA xác định tại phiên tòa sơ thẩm các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự thỏa thuận về thời điểm trả nợ giữa Công ty KA và Ngân hàng VN là đúng quy định tại khoản 1 Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, tại Điều 12 của Hợp đồng tín dụng số 189/HĐTD ngày 11/01/2014, quy định: Toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 3903/HĐTD ngày 22/11/2011 đã ký giữa Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng và Công ty KA được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng này kể từ ngày ký cho đến khi toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 3903/HĐTD ngày 22/11/2011 được bên B (Công ty KA) thanh toán đầy đủ gốc và lãi, lãi quá hạn, phí ... (nếu có) cho bên A (Ngân hàng VN). Do đó, mức lãi suất cho vay là 4,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay được tính đối với số tiền nợ gốc là 2.802.600 USD, quy đổi thành 65.244.528.000 đồng; tiền lãi là 835.535,31 USD, quy đổi thành 19.451.261.930 đồng. Còn theo Phụ lục hợp đồng số 01 của Hợp đồng tín dụng số 189/HĐTD ngày 11/01/2014, quy định lãi suất bằng 130% lãi suất cho vay đã được điều chỉnh lần cuối cùng đối với số tiền chậm trả (BL số 27); theo đó, tại các Giấy nhận nợ từ ngày 27/8/2014 đến ngày 10/11/2014 (BL từ số 87 – 111) lãi suất 4,2%/năm, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất cho vay và tại các Giấy nhận nợ từ ngày 27/11/2014 đến ngày 03/5/2015 (BL từ 67 – 86) lãi suất 3,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất cho vay. Như vậy, theo Hợp đồng tín dụng này thì phát sinh tiền nợ gốc là 2.792.900 USD, quy đổi thành 65.018.712.000 đồng; tiền lãi là 619.965,26 USD, quy đổi thành 14.432.791.237 đồng. Mặc dù, nhận định tại mục [3] của Bản án KDTM sơ thẩm (BL số 328) chưa sát với thực tế, chưa nhận định rõ giữa hai hợp đồng tín dụng, nhưng đối với số tiền nợ gốc và tiền lãi là đúng như vừa nhận định ở phần trên. Ngoài ra, khi khởi kiện nguyên đơn tính tỷ giá là 22.350 đồng/USD, còn tính tỷ giá khi xét xử sơ thẩm là 23.280 đồng/USD (Theo Thông báo số 3885/NHN<sub>0</sub>-TCKT, ngày 29/5/2020 của Ngân hàng VN Việt Nam), nên tiền VNĐ có chênh lệch khi khởi kiện so với khi xét xử sơ thẩm. Như vậy, tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty KA có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VN là đúng, nên phần kháng cáo này của Công ty KA không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Theo đơn kháng cáo của Công ty KA cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để bị đơn có thời gian làm đơn yêu cầu phản tố buộc Ngân hàng VN bồi thường thiệt hại. Xét thấy, tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Bị đơn có quyền



đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, đây không phải là lý do để tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của người đại diện hợp pháp của Công ty KA là có căn cứ. Công ty KA có quyền yêu cầu khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm hoặc có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Từ những phân tích như đã nêu tại các mục [3], [4], [5], [6] và [7] có đủ cơ sở xác định, việc không đưa Công ty NT tham gia tố tụng chỉ có liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp, không liên quan đến tiền nợ gốc và tiền lãi. Do đó, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty KA và căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên một phần Bản án KDTM sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST, ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đối với tiền nợ gốc, tiền lãi, về nghĩa vụ chậm thi hành án và về án phí KDTM sơ thẩm. Đồng thời, HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để hủy một phần Bản án KDTM sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST, ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đối với việc xử lý hợp đồng thế chấp tài sản, để Tòa án cấp sơ thẩm đưa Công ty NT vào tham gia tố tụng và xem xét, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[9] Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn Ngân hàng VN đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn Công ty KA đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để hủy Bản án KDTM sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ chấp nhận một phần như nhận định ở phần trên.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp sơ thẩm: Tổng chi phí số tiền 1.150.000 đồng do Ngân hàng VN đã nộp tạm ứng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[11] Về án phí KDTM phúc thẩm: Do kháng cáo của Công ty KA được chấp nhận nên Công ty KA không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty KA và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ chấp nhận một phần như nhận định ở phần trên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 6 Điều 313 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty KA.

2. Giữ nguyên một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST, ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Án tuyên như sau:

- Buộc Công KA có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng VN tiền nợ gốc là 130.263.240.000 đồng (Một trăm ba mươi tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 33.884.053.167 đồng (Ba mươi ba tỷ tám trăm tám mươi bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 164.147.293.167 đồng (Một trăm sáu mươi bốn tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng). (Trong đó, theo Hợp đồng tín dụng số 3903, ngày 11/11/2011: Nợ gốc là 2.802.600 USD, quy đổi thành 65.244.528.000 đồng; tiền lãi là 835.535,31 USD, quy đổi thành 19.451.261.930 đồng. Và theo Hợp đồng tín dụng số 189, ngày 11/01/2014: Nợ gốc là 2.792.900 USD, quy đổi thành 65.018.712.000 đồng; tiền lãi là 619.965,26 USD, quy đổi thành 14.432.791.237 đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty KA còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng VN phải chịu số tiền là 136.073.646 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng là 243.348.600 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng) theo Biên lai thu số 0007187 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, hoàn trả cho Ngân hàng VN số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 107.274.954 đồng (Một trăm linh bảy triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng). Công ty KA phải chịu số tiền là 136.073.646 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

3. Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST, ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đối với việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 45/HĐTC ngày 15/01/2015 và Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 được ký kết giữa Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp sơ thẩm: Tổng chi phí số tiền 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) do Ngân hàng VN đã nộp tạm ứng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại về cho Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xem xét, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đối với việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 45/HĐTC ngày 15/01/2015 và Hợp đồng thế chấp số 567/HĐTC ngày 25/3/2014 được ký kết giữa

Công ty KA với Ngân hàng VN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty KA được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0004393, ngày 16/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS tp. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Toàn**